

Số: 486/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng
cho sinh viên khóa 20C5 và sinh viên các khoá cũ
(Tháng 8/2023)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 713;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 230 sinh viên các khóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 16CĐCN: 02 sinh viên
2. Khóa 17C1: 03 sinh viên
3. Khóa 18C1: 13 sinh viên
4. Khóa 19C1: 31 sinh viên
5. Khóa 20C1: 159 sinh viên
6. Khóa 20C3: 14 sinh viên
7. Khóa 20C5: 01 sinh viên
8. Khóa 20C6: 07 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 20C5 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
XÉT THÁNG 8/2023**

(Kèm theo Quyết định số 486 /QĐ-LTT-ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2023
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	16002606	Lê Duy	Khánh	Nam	13/9/1997	Bình Phước	16CĐ-ĐCN3	A	B	6,02	Trung bình	
2	16003024	Trần Đức	Lâm	Nam	10/12/1998	Quảng Ngãi	16CĐ-Ô9	A	B	6,24	Trung bình	
3	17002349	Lê Hoàng	Phi	Nam	02/5/1999	Tây Ninh	17C1-CCK4	A	B	5,76	Trung bình	
4	17004750	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	02/8/1998	Hà Nội	17C1-KML2	A	TOEIC 350	6,13	Trung bình	
5	17003434	Đỗ Phúc	An	Nam	17/01/1999	Nam Định	17C1-VSL2	A	B	6,14	Trung bình	
6	18002244	Phạm Quốc	Thuận	Nam	24/4/2000	Bình Thuận	18C1-CCK2	A	TOEIC 350	6,40	Trung bình	
7	18003964	Nguyễn Trường	Phi	Nam	13/12/2000	Long An	18C1-CCK6	A	B	6,48	Trung bình	
8	18004348	Cao Trần Phú	Minh	Nam	03/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CMT1		TOEIC 350	6,71	Trung bình	
9	18004753	Huỳnh Nhật	Hào	Nam	10/02/2000	Đồng Tháp	18C1-CNL1	A	B	6,14	Trung bình	
10	18003205	Võ Minh	Phuong	Nam	07/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ12	A	B	6,55	Trung bình	
11	18003391	Nguyễn Trần Ngọc	Thắng	Nam	23/6/1999	Quảng Ngãi	18C1-CNÔ16	A	TOEIC 350	6,07	Trung bình	
12	18001641	Phạm Thanh	Bình	Nam	11/02/2000	Long An	18C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,17	Trung bình	
13	18001810	Lương Kim	Tài	Nam	26/8/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,56	Trung bình	
14	18001683	Đinh Thành	Đạt	Nam	09/02/2000	Long An	18C1-ĐCN4	A	TOEIC 350	6,02	Trung bình	
15	18005348	Phạm Văn	Ngọc	Nam	18/10/1998	Cần Thơ	18C1-ĐCN4	A	B	6,02	Trung bình	
16	18003047	Trịnh Vũ Hoàng	Long	Nam	14/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KML1	A	B	6,43	Trung bình	
17	18004466	Trần Văn	Hậu	Nam	09/7/1999	Bình Phước	18C1-LTM2		TOEIC 350	6,71	Trung bình	
18	18003549	Phạm Văn Anh	Tuấn	Nam	29/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	A	B	5,96	Trung bình	
19	19002920	Hồ Tấn	Kiệt	Nam	14/4/2001	Tây Ninh	19C1-BCN1	A	B	6,33	Trung bình	
20	19002702	Tạ Trung	Kiên	Nam	09/5/2001	Tây Ninh	19C1-CCK2	A	B	6,80	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
21	19003802	Phạm Vũ	Nhân	Nam	01/6/2001	Vĩnh Long	19C1-CCK4	A	B	6,56	Trung bình	
22	19004252	Trần Khánh	Duy	Nam	11/10/2001	Bình Thuận	19C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,83	Trung bình	
23	19002955	Nguyễn Duy	Tâm	Nam	28/5/2001	Long An	19C1-CĐT1	A	B	5,85	Trung bình	
24	19003895	Nguyễn Ngọc	Tráng	Nam	21/7/2001	Bình Định	19C1-CĐT1	A	TOEIC 350	6,29	Trung bình	
25	19002142	Đới Anh	Tuấn	Nam	01/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CĐT1	A	B	6,99	Trung bình	
26	19003220	Võ Đức	Vũ	Nam	12/7/2001	Bình Định	19C1-CĐT1	A	B	7,74	Khá	
27	19004450	Nguyễn Văn Thanh	Vũ	Nam	28/8/2001	Ninh Thuận	19C1-CNÔ1	A	B	6,53	Trung bình	
28	19003553	Dương Gia	Vỹ	Nam	31/10/2001	Đắk Lắk	19C1-CNÔ3	A	B	6,46	Trung bình	
29	19002474	Mai Thanh	An	Nam	06/10/2000	Bến Tre	19C1-CNÔ7	A	B	6,10	Trung bình	
30	19002501	Phạm Hoàng	Sơn	Nam	30/6/2001	Long An	19C1-CNÔ8	A	B	6,85	Trung bình	
31	19002630	Ngô Trung	Hiếu	Nam	06/3/2001	Long An	19C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	6,09	Trung bình	
32	19004284	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	28/10/2001	Kiên Giang	19C1-CNÔ9	A	B	6,52	Trung bình	
33	19001808	Tăng Công	Đạt	Nam	03/7/2001	Quảng Nam	19C1-CTM1	A	B	6,82	Trung bình	
34	19001920	Lương Quang	Hiếu	Nam	03/11/2001	Đồng Nai	19C1-ĐCN1	A	B	5,50	Trung bình	
35	19003676	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	27/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN2	A	B	6,24	Trung bình	
36	19003657	Nguyễn Vũ	Hoài	Nam	23/5/2001	Bình Phước	19C1-ĐCN2	A	B	5,83	Trung bình	
37	19005129	Ngô Quang	Khang	Nam	17/4/1999	Long An	19C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	6,33	Trung bình	
38	19002174	Tăng Trung	Định	Nam	14/4/2001	Bình Thuận	19C1-ĐĐT1	A	B	6,46	Trung bình	
39	19003838	Trần Diệp	Thị	Nam	07/12/2001	Phú Yên	19C1-ĐĐT2	A	B	6,04	Trung bình	
40	19003216	Hà Hoàn	Phong	Nam	15/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	A	TOEIC 350	6,55	Trung bình	
41	19002407	Trần Minh	Bảo	Nam	21/12/2001	Long An	19C1-LĐL1	A	B	6,94	Trung bình	
42	19004513	Lâm Tuấn	Hưng	Nam	05/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1		TOEIC 350	6,32	Trung bình	
43	19000171	Nguyễn Đức	Minh	Nam	04/5/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTM1		TOEIC 350	6,97	Trung bình	
44	19003451	Đặng Văn	Được	Nam	29/9/2001	Vĩnh Long	19C1-TĐH1	A	B	6,08	Trung bình	
45	19004285	Nguyễn Hồng	Duy	Nam	22/4/2001	Nam Định	19C1-TĐH1	A	B	6,33	Trung bình	
46	17000434	Nguyễn Quang	Huy	Nam	28/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,26	Trung bình	
47	19004443	Hồ Văn	Tài	Nam	03/9/2000	Cần Thơ	19C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,24	Trung bình	
48	19003881	Bùi Văn	Tân	Nam	02/01/2001	Bình Phước	19C1-TĐH1	A	B	6,21	Trung bình	
49	19003689	Diệp Bảo	Thuận	Nam	21/01/2001	Ninh Thuận	19C1-TKĐ2		B	7,08	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
50	20004397	Lê Hoàng	Long	Nam	03/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	6,72	Trung bình	
51	20003950	Trần Tuấn	Thanh	Nam	27/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK3	A	TOEIC 350	6,33	Trung bình	
52	20004727	Phạm Chí	Hiếu	Nam	25/3/2002	Long An	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	7,04	Khá	
53	20004470	Trần Thành	Nhân	Nam	22/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,26	Trung bình	
54	20004662	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	27/11/2002	Tiền Giang	20C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,58	Trung bình	
55	20005098	Nguyễn Hoàng Bảo	Huy	Nam	25/12/2002	Đồng Nai	20C1-CCK5	A	TOEIC 350	5,92	Trung bình	
56	20005212	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	29/6/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CMT1		TOEIC 350	5,87	Trung bình	
57	20004486	Trần Đình	Hải	Nam	14/10/2002	Quảng Ngãi	20C1-CMT1		TOEIC 350	5,86	Trung bình	
58	20002508	Vũ Thái	Hòa	Nam	29/9/1999	Bình Phước	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,90	Trung bình	
59	20005723	Thái Anh	Kiệt	Nam	05/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,09	Trung bình	
60	20005745	Hoàng Văn	Phước	Nam	21/5/2002	Đồng Nai	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,60	Trung bình	
61	20005830	Nguyễn Minh	Quân	Nam	12/3/2001	Long An	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,28	Trung bình	
62	20004305	Nguyễn Đặng Anh	Tài	Nam	10/4/2002	Đắk Lắk	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,77	Trung bình	
63	20003187	Nguyễn Hoàng	Thơ	Nam	05/12/2002	Long An	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,64	Trung bình	
64	20005669	Nguyễn Trung	Tín	Nam	23/7/2000	Bến Tre	20C1-CMT1		TOEIC 350	6,85	Trung bình	
65	20004728	Nguyễn Tấn	Bảo	Nam	04/5/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,23	Khá	
66	20002730	Nguyễn Ngọc Thành	Công	Nam	23/02/2002	An Giang	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,17	Khá	
67	20003478	Trần Tiến	Đạt	Nam	13/3/2002	Long An	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,37	Trung bình	
68	20004346	Trần Hữu	Đức	Nam	07/8/2002	Bình Định	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,39	Trung bình	
69	20000239	Lê Trung	Hiếu	Nam	10/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,61	Khá	
70	20005276	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	06/6/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,89	Trung bình	
71	20003315	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	15/10/2002	An Giang	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,06	Khá	
72	20003615	Nguyễn Văn	Tiếng	Nam	29/3/2002	Bình Định	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	6,21	Trung bình	
73	20002250	Nguyễn Phương	Triệu	Nam	12/4/2002	Cà Mau	20C1-CNL1	A	TOEIC 350	7,43	Khá	
74	20004879	Hồ Thế	Đại	Nam	16/4/2002	Gia Lai	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,42	Trung bình	
75	20003862	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	09/11/2002	Tiền Giang	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	7,59	Khá	
76	20003673	Phùng Văn	Son	Nam	06/3/2002	Hải Dương	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	7,75	Khá	
77	20003484	Ngô Thanh	Trúc	Nam	17/7/2002	Long An	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,34	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
78	20005564	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	11/12/2002	Long An	20C1-CNL2	A	TOEIC 350	6,66	Trung bình	
79	20003913	Thị	Gái	Nữ	24/11/2002	Bình Phước	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,15	Khá	
80	20001941	Đỗ Tường	Hiếu	Nam	13/4/1996	Thừa Thiên -Huế	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	8,43	Giỏi	
81	20006718	Nguyễn Tuệ	Khương	Nữ	22/4/2002	Tiền Giang	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,55	Khá	
82	20002535	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	22/4/2002	Bến Tre	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,58	Khá	
83	20004331	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	09/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,23	Khá	
84	20003774	Nguyễn Thành	Pháp	Nam	03/10/2002	Tiền Giang	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,68	Khá	
85	20002236	Lâm Thị Nhã	Thơ	Nữ	04/4/2002	Tiền Giang	20C1-CNM1	A	TOEIC 350	7,35	Khá	
86	20000524	Trần Lê Minh	Duy	Nam	29/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,45	Trung bình	
87	20000217	Lê Trung	Hiếu	Nam	15/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	7,52	Khá	
88	20000798	Đào Minh	Khoa	Nam	05/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,69	Trung bình	
89	20000033	Nguyễn Việt	Long	Nam	19/5/2001	An Giang	20C1-CNÔ1	A	TOEIC 350	6,64	Trung bình	
90	20003825	Huỳnh Vũ	Duy	Nam	20/9/2002	Bình Định	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,80	Trung bình	
91	20003799	Trần Đức	Huy	Nam	22/6/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,77	Trung bình	
92	20002610	Trần Quốc	Huy	Nam	20/01/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,78	Trung bình	
93	20003740	Nguyễn Dương	Khang	Nam	30/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,51	Trung bình	
94	20003788	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	01/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,61	Trung bình	
95	20003800	Nguyễn Minh	Quang	Nam	20/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ10	A	TOEIC 350	6,87	Trung bình	
96	20004010	Trà Phúc	Hậu	Nam	16/9/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	7,00	Khá	
97	20003946	Lê Nhật	Trường	Nam	07/3/2002	Vĩnh Long	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,48	Trung bình	
98	20002983	Lê Đăng	Tuyên	Nam	03/9/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	8,06	Giỏi	
99	20004048	Tạ Quang	Vương	Nam	11/3/2002	Quảng Trị	20C1-CNÔ11	A	TOEIC 350	6,43	Trung bình	
100	20004120	Trương Văn Duy	Kha	Nam	16/9/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,94	Trung bình	
101	20004143	Phạm Thành	Long	Nam	28/02/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ12	A	TOEIC 350	6,61	Trung bình	
102	20003240	Phạm Ngọc	Sớm	Nam	06/3/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ13	A	TOEIC 350	7,35	Khá	
103	20004540	Triệu Gia	Huy	Nam	07/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,66	Trung bình	
104	20005294	Trương Thành	Nghĩa	Nam	18/5/2001	Lâm Đồng	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	7,53	Khá	
105	20005567	Nguyễn Xuân	Nhật	Nam	31/8/2002	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,83	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
106	20004406	Phạm Thanh	Phúc	Nam	22/7/2001	Cần Thơ	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,73	Trung bình	
107	20004442	Nguyễn Vũ	Phương	Nam	28/10/2002	Long An	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,65	Trung bình	
108	20004725	Đậu Anh	Quốc	Nam	04/3/2002	Nghệ An	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	7,51	Khá	
109	20005033	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	04/01/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	6,95	Trung bình	
110	20004545	Lê Văn	Thảo	Nam	13/6/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ14	A	TOEIC 350	7,23	Khá	
111	20001577	Hồ Hữu	Khánh	Nam	12/5/2002	Đắk Lắk	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,63	Khá	
112	20001211	Nguyễn Phương	Nam	Nam	12/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,93	Trung bình	
113	20001817	Nguyễn Thành	Nam	Nam	28/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,29	Khá	
114	20001827	Huỳnh Trọng	Nhân	Nam	18/11/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,72	Trung bình	
115	20001222	Đỗ Tấn	Phát	Nam	03/4/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,46	Trung bình	
116	20001900	Trần Thanh	Phong	Nam	28/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,44	Khá	
117	20001869	Phạm Văn	Tài	Nam	12/12/1999	Đồng Nai	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	6,35	Trung bình	
118	20002667	Thạch	Thành	Nam	21/12/2002	Trà Vinh	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,01	Khá	
119	20002020	Đinh Ngọc Anh	Tuấn	Nam	17/6/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,44	Khá	
120	20001428	Võ Thanh	Tùng	Nam	10/9/2001	Cà Mau	20C1-CNÔ2	A	TOEIC 350	7,76	Khá	
121	20002514	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	12/6/2001	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,46	Khá	
122	20002568	Võ Trọng	Hiếu	Nam	14/9/2002	Bình Dương	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,52	Khá	
123	20002450	Nguyễn Xuân	Khang	Nam	03/6/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,30	Khá	
124	20002395	Trần Trọng	Khánh	Nam	26/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	8,18	Giỏi	
125	20002415	Võ Minh	Mẫn	Nam	27/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,64	Trung bình	
126	20003133	Nguyễn Tấn	Nghĩa	Nam	11/02/2000	Quảng Ngãi	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,38	Khá	
127	20002392	Võ Minh	Phú	Nam	02/6/2002	Long An	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,60	Khá	
128	20002371	Nguyễn Hoàng	Thọ	Nam	06/4/2002	Kiên Giang	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,34	Khá	
129	20002480	Quách Minh	Tuấn	Nam	28/8/2002	Thanh Hoá	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,01	Khá	
130	20002300	Đinh Tấn	Xuyên	Nam	06/7/2002	Tiền Giang	20C1-CNÔ3	A	TOEIC 350	7,42	Khá	
131	20002736	Dương Gia	Bảo	Nam	12/12/2002	Bình Phước	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,38	Khá	
132	20002759	Đặng Minh	Khôi	Nam	30/6/2002	Cà Mau	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,89	Trung bình	
133	20002731	Lê Minh Hải	Long	Nam	01/5/2002	Bình Dương	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,78	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
134	20002673	Hồ Thiên	Sinh	Nam	20/12/2002	Đồng Nai	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,89	Trung bình	
135	20002639	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	11/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	6,44	Trung bình	
136	20002646	Tô Khánh	Văn	Nam	15/02/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ4	A	TOEIC 350	7,55	Khá	
137	20002865	Nguyễn Thanh	Hào	Nam	23/02/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	6,63	Trung bình	
138	20002842	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	11/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ5	A	TOEIC 350	7,45	Khá	
139	20003004	Nguyễn Hải	Đường	Nam	06/01/2002	Long An	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	7,79	Khá	
140	20003137	Phan Nguyễn Quang	Huy	Nam	22/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,68	Trung bình	
141	20003055	Phạm Minh	Quân	Nam	12/11/2002	Kon Tum	20C1-CNÔ6	A	TOEIC 350	6,77	Trung bình	
142	20003363	Huỳnh Duy	Phương	Nam	31/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ7	A	TOEIC 350	6,76	Trung bình	
143	20003584	Lê Vũ	Anh	Nam	21/6/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,18	Trung bình	
144	20000031	Nguyễn Hữu	Cầu	Nam	02/01/2002	Long An	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,64	Trung bình	
145	20003509	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	25/9/2002	Long An	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,60	Trung bình	
146	20004445	Nguyễn Phúc An	Khang	Nam	28/5/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	7,07	Khá	
147	20003485	Trần Thiên	Phước	Nam	26/4/2002	Đồng Tháp	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,71	Trung bình	
148	20003522	Phạm Chí	Tâm	Nam	30/6/2001	Vĩnh Long	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	7,91	Khá	
149	20003477	Nguyễn Anh	Thái	Nam	02/12/2002	Tây Ninh	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,51	Trung bình	
150	20003422	Võ Đức	Tuấn	Nam	26/02/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ8	A	TOEIC 350	6,79	Trung bình	
151	20003858	Ngô Đình	Hào	Nam	16/3/2000	Đồng Nai	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,12	Khá	
152	20003692	Đặng Minh	Hiền	Nam	04/12/2002	Bình Thuận	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	6,98	Trung bình	
153	20003632	Lê Thành	Nghĩa	Nam	22/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,04	Khá	
154	20003678	Nguyễn Minh	Sang	Nam	16/5/2002	Bến Tre	20C1-CNÔ9	A	TOEIC 350	7,09	Khá	
155	20004453	Huỳnh Tuấn	Cảnh	Nam	11/8/2002	Bến Tre	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,81	Trung bình	
156	20003883	Nguyễn Thành	Hải	Nam	25/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,28	Trung bình	
157	20003437	Nguyễn Gia	Huy	Nam	01/02/2002	Kiên Giang	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,50	Trung bình	
158	20004000	Trương Ngọc	Lợi	Nam	05/6/2001	Bình Thuận	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,44	Trung bình	
159	20004452	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	27/10/2002	Bến Tre	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,50	Trung bình	
160	20002819	Lê Thanh	Sang	Nam	04/11/2002	Bến Tre	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,81	Trung bình	
161	20004149	Huỳnh Thái	Vinh	Nam	18/10/2002	Đồng Nai	20C1-CTM1	A	TOEIC 350	6,38	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
162	20005021	Đàm Nhật	Hào	Nam	09/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	7,04	Khá	
163	20005377	Phạm Hoàng	Nam	Nam	02/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CTM2	A	TOEIC 350	7,09	Khá	
164	20001202	Trần Hoàng	Quận	Nam	10/9/2001	Tây Ninh	20C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,57	Trung bình	
165	20004328	Nguyễn Văn	Nam	Nam	24/10/2002	Long An	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	7,78	Khá	
166	20003634	Nguyễn Ngọc Tường	Nguyễn	Nam	01/10/2002	Bình Thuận	20C1-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,83	Trung bình	
167	20005383	Phạm Văn	Nghĩa	Nam	10/01/1999	Bình Thuận	20C1-ĐĐT2	A	TOEIC 350	7,54	Khá	
168	20004058	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	20/11/2002	Bến Tre	20C1-KML1	A	TOEIC 350	7,43	Khá	
169	20003476	Trương Minh	Hoài	Nam	10/12/2002	Bình Thuận	20C1-KML1	A	TOEIC 350	7,08	Khá	
170	20006701	Nguyễn Thanh	Hậu	Nam	28/11/1998	Bình Thuận	20C1-KML2	A	TOEIC 350	7,12	Khá	
171	20003266	Nguyễn Quách Minh	Thành	Nam	17/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KML2	A	TOEIC 350	7,20	Khá	
172	20006683	Hà Tiểu	Cơ	Nữ	01/3/2002	Đắk Lắk	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,17	Khá	
173	20005348	Võ Kim	Nguyên	Nữ	05/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	6,47	Trung bình	
174	20006659	Nguyễn Văn	Thức	Nam	14/4/2002	Đắk Lắk	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	6,90	Trung bình	
175	20004638	Trần Quốc	Tiến	Nam	11/8/2001	Lâm Đồng	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	6,51	Trung bình	
176	20001802	Nguyễn Công	Dược	Nam	17/02/2001	Bến Tre	20C1-KXD1	A	TOEIC 350	7,96	Khá	
177	20004197	Vũ Đăng	An	Nam	21/01/2001	Lâm Đồng	20C1-LTM1		TOEIC 350	6,47	Trung bình	
178	20002542	Lê Quý	Long	Nam	25/4/2000	Thanh Hoá	20C1-LTM1		TOEIC 350	7,59	Khá	
179	20005775	Nguyễn Thị Hoàng	Hào	Nữ	02/5/2002	Long An	20C1-LTM2		TOEIC 350	7,11	Khá	
180	20005683	Trần Yến	Nhi	Nữ	19/10/2002	Bạc Liêu	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,50	Trung bình	
181	20005219	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	25/9/2002	Bình Định	20C1-LTM2		TOEIC 350	6,79	Trung bình	
182	20005714	Mai Trọng	Trí	Nam	22/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LTM2		TOEIC 350	7,50	Khá	
183	20004702	Trần Diễm Phương	Kiều	Nữ	01/01/2002	Cần Thơ	20C1-QKS1	A	TOEIC 350	8,08	Giỏi	
184	20005448	Huỳnh Hữu	Phước	Nam	26/3/2002	Bình Định	20C1-QTD1	A	TOEIC 350	6,95	Trung bình	
185	20004464	Hà Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	17/9/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-QTM1		TOEIC 350	7,20	Khá	
186	20005087	Phạm Võ Phi	Anh	Nam	27/9/2002	Đồng Nai	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,27	Trung bình	
187	20004924	Phan Thành	Hưng	Nam	01/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,95	Trung bình	
188	20002154	Trần Phạm Minh	Khoa	Nam	01/6/2002	An Giang	20C1-QTM1		TOEIC 350	7,16	Khá	
189	20005154	Lê Công	Khôi	Nam	01/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,91	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
190	20004613	Nguyễn Thành	Lượng	Nam	15/6/2002	Bến Tre	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,55	Trung bình	
191	20004233	Phạm Đăng	Quang	Nam	01/01/2002	Long An	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,64	Trung bình	
192	20001888	Trần Quang	Vĩ	Nam	11/12/2001	An Giang	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,55	Trung bình	
193	20004040	Võ Duy	Vương	Nam	05/7/2002	Khánh Hoà	20C1-QTM1		TOEIC 350	6,90	Trung bình	
194	20000257	Trần Nhật	Đan	Nam	08/9/2000	Đồng Nai	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,41	Trung bình	
195	20004869	Lê Lưu	Lai	Nam	16/10/2002	Bình Định	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,79	Trung bình	
196	20000258	Nguyễn Thanh	Linh	Nam	22/3/1999	Đồng Nai	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,94	Trung bình	
197	20004510	Vũ Nguyễn Quang	Trường	Nam	13/11/2002	Đồng Nai	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	6,77	Trung bình	
198	20005729	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	22/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH2	A	TOEIC 350	8,15	Khá	Học lại Đồ án CN 2
199	20003237	Vũ Minh	Nhật	Nam	02/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	6,71	Trung bình	
200	20003179	Nguyễn Tạ Thanh	Xuân	Nữ	18/10/2002	An Giang	20C1-TKĐ1		TOEIC 350	7,43	Khá	
201	20005417	Nguyễn Phú	Hào	Nam	26/5/2002	An Giang	20C1-TKĐ2		TOEIC 350	7,04	Khá	
202	20004413	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	26/6/1998	Bình Phước	20C1-TKW1		TOEIC 350	7,10	Khá	
203	20004173	Dương Hạo	Nam	Nam	18/9/2002	An Giang	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,50	Trung bình	
204	20003267	Nguyễn Quách Tổ	Như	Nữ	17/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKW1		TOEIC 350	8,65	Giỏi	
205	19002957	Nguyễn Bùi Thiên	Phước	Nam	24/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TKW1		TOEIC 350	9,18	Xuất sắc	
206	20003807	Trương Tuyền	Tuyền	Nữ	11/6/2002	Long An	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,72	Trung bình	
207	20004584	Nguyễn Đình	Việt	Nam	01/5/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-TKW1		TOEIC 350	6,95	Trung bình	
208	20005441	Đặng Văn	Nghĩa	Nam	04/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2	A	TOEIC 350	6,05	Trung bình	
209	20002448	Phạm Thiên	Ân	Nam	07/10/2002	Trà Vinh	20C3-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	7,51	Khá	
210	20002814	Đinh Hữu	Lộc	Nam	11/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ1	A	TOEIC 400	6,90	Trung bình	
211	20000955	Bạch Duy Đăng	Trình	Nam	24/7/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C3-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,53	Khá	
212	20005171	Phạm Kim	Dũ	Nam	20/11/2002	Bạc Liêu	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,31	Khá	
213	20002931	Trần Mạnh	Hùng	Nam	02/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,47	Khá	
214	20004185	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	13/11/2002	Đồng Tháp	20C3-CNÔ2	IC3	TOEIC 400	7,19	Khá	
215	20003342	Trương Thành	Công	Nam	22/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-CNÔ3	IC3	TOEIC 400	7,72	Khá	
216	20002411	Trương Thanh	Phong	Nam	07/01/2002	Quảng Ngãi	20C3-CNÔ3	A	TOEIC 400	8,38	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ Anh văn	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
217	20003472	Huỳnh Hữu	Phúc	Nam	11/6/2002	Tiền Giang	20C3-CNÔ3	A	TOEIC 400	7,88	Khá	
218	20003602	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	17/10/2002	An Giang	20C3-CNÔ3	A	TOEIC 400	7,32	Khá	
219	20005540	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	11/02/2002	Quảng Nam	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	7,31	Khá	
220	20002182	Trần Xuân	Nghĩa	Nam	25/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	7,44	Khá	
221	20002747	Nguyễn Trường	Phát	Nam	26/3/2002	Cà Mau	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	7,06	Khá	
222	20002786	Trịnh Thanh	Son	Nam	23/12/2002	Bến Tre	20C3-ĐĐT1	IC3	TOEIC 400	7,88	Khá	
223	20001218	Phạm Nhựt	Hào	Nam	16/9/2002	Bình Phước	20C5-CNÔ1	A	TOEIC 400	8,52	Giỏi	
224	20003600	Hồ Duy	An	Nam	29/10/2002	Bình Định	20C6-CNÔ1	IC3	TOEIC 400	7,50	Khá	
225	20001798	Đinh Nguyễn	Hoàng	Nam	16/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,37	Khá	
226	20004361	Võ Thanh	Phong	Nam	17/7/2002	An Giang	20C6-CNÔ1	A	TOEIC 400	7,66	Khá	
227	20002316	Nguyễn Đình	Bảo	Nam	22/7/2002	Đắk Lắk	20C6-CNÔ3	A	TOEIC 400	6,79	Trung bình	
228	20002375	Lê Hoàng	Minh	Nam	28/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ3	A	TOEIC 400	6,85	Trung bình	
229	20004041	Nguyễn Xuân	Chức	Nam	07/6/2002	Bình Định	20C6-CNÔ4	A	TOEIC 400	7,39	Khá	
230	20001789	Diệp Nguyễn Lê	Minh	Nam	16/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C6-CNÔ4	A	TOEIC 400	6,39	Trung bình	

Tổng cộng có 230 sinh viên, trong đó:

Xuất sắc:	1	0,44 %
Giỏi:	7	3,04 %
Khá:	81	35,22 %
Trung bình	141	61,30 %